

KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU VỀ THÀNH PHẦN LOÀI BÒ SÁT THUỘC BỘ CÓ VÂY (SQUAMATA) Ở HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Hữu Kiên¹, Trương Bá Phong¹, Bùi Thị Quỳnh Hoa¹

Ngày nhận bài: 08/12/2022; Ngày phản biện thông qua: 19/12/2022; Ngày duyệt đăng: 31/03/2023

TÓM TẮT

Huyện Buôn Đơn nằm ở phía Tây của tỉnh Đắk Lắk, đây là khu vực có Vườn quốc gia Yok Don – Khu bảo tồn rừng Khộp duy nhất tại Việt Nam. Thành phần loài Bò sát nói chung và các loài bò sát thuộc bộ Có vảy (Squamata) nói riêng ở khu vực này hiện vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Trong khi đó, các hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc và các hoạt động khai thác rừng đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới hệ sinh thái. Chúng tôi đã thu thập và phân loại được 20 loài bò sát thuộc bộ Có vảy xếp trong 15 giống, 7 họ. Trong đó, có 4 loài đang bị đe dọa ở mức nguy cấp và cần được bảo vệ là Rắn ráo trâu, Rắn ráo thường, Rắn Cạp nông, Rắn hổ mang; 02 loài sắp nguy cấp là Không cát và Tắc kè.

Từ khóa: Bò sát, Bộ Có vảy, huyện Buôn Đơn, thành phần loài, tỉnh Đắk Lắk.

1. MỞ ĐẦU

Những nghiên cứu về thành phần loài Bò sát cho thấy số lượng loài ghi nhận trên thế giới đến tháng 9 năm 2009 là 9.084 loài (Uetz, 2010) và đến tháng 8 năm 2016 đã tăng lên 10.450 loài (Uetz, 2016). Theo Alexandria B. Boehm và cộng sự ước tính có khoảng 20% số loài bò sát toàn cầu bị đe dọa (Boehm A.B. et al., 2013). Việt Nam là một trong những quốc gia có khu hệ lưỡng cư và bò sát đa dạng trên thế giới. Số lượng loài được ghi nhận vào năm 1996 là 340 loài, 545 loài vào năm 2009 và tính đến 2015 đã ghi nhận khoảng 650 loài (Ngô Đắc Chứng, Nguyễn Quảng Trường, 2015). Khu vực Trung bộ và Tây Nguyên được xem là những trung tâm đa dạng sinh học ở nước ta (Nguyen et al., 2009). Trong lớp Bò sát (Reptilia) bộ Có vảy (Squamata) chiếm số lượng loài nhiều nhất và nhiều loài trong đó có nguy cơ tuyệt chủng (Nguyen et al., 2009, Sách đỏ Việt Nam – Phần động vật, 2007). Huyện Buôn Đơn nằm về phía Tây của tỉnh Đắk Lắk, trong đó có Vườn quốc gia Yok Don được đánh giá là khu vực có độ đa dạng sinh học cao, được đặc trưng bởi hệ sinh thái rừng Khộp. Đây là khu bảo tồn rừng Khộp duy nhất tại Việt Nam (Báo cáo đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Yok Don, 2003, Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn Quốc gia Yok Don giai đoạn 2010 – 2020, 2011). Các nghiên cứu về bò sát nói chung và bộ Có vảy nói riêng tại huyện Buôn Đơn chưa có những nghiên cứu đầy đủ, một số công bố liên quan đến bò sát gần đây ở khu vực này của Ngô Đắc Chứng và cộng sự năm 2014 về loài Thần lằn bóng hoa (Ngo et al, 2014), Trương Bá Phong và cộng sự năm 2019, 2022 (Trương Bá Phong, Ngô Đắc Chứng, Ngô Văn Bình, 2019) về loài Thần

lằn bóng đốm, Ngô Văn Bình và cộng sự về loài Không cát năm 2020. Chúng tôi chưa tìm thấy dữ liệu nào về thành phần loài bò sát ở huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, kết quả nghiên cứu của bài báo này cung cấp những dẫn liệu khoa học đáng tin cậy về đa dạng loài bò sát, góp phần vào việc khai thác và bảo tồn nguồn tài nguyên sinh vật quan trọng này.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Thu mẫu, mô tả, định danh và lập danh lục các loài bò sát tại huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp thu mẫu trực tiếp:* các mẫu vật được thu trực tiếp bằng tay, câu, thông lọng (nhóm thần lằn), kẹp chuyên dụng (nhóm rắn).

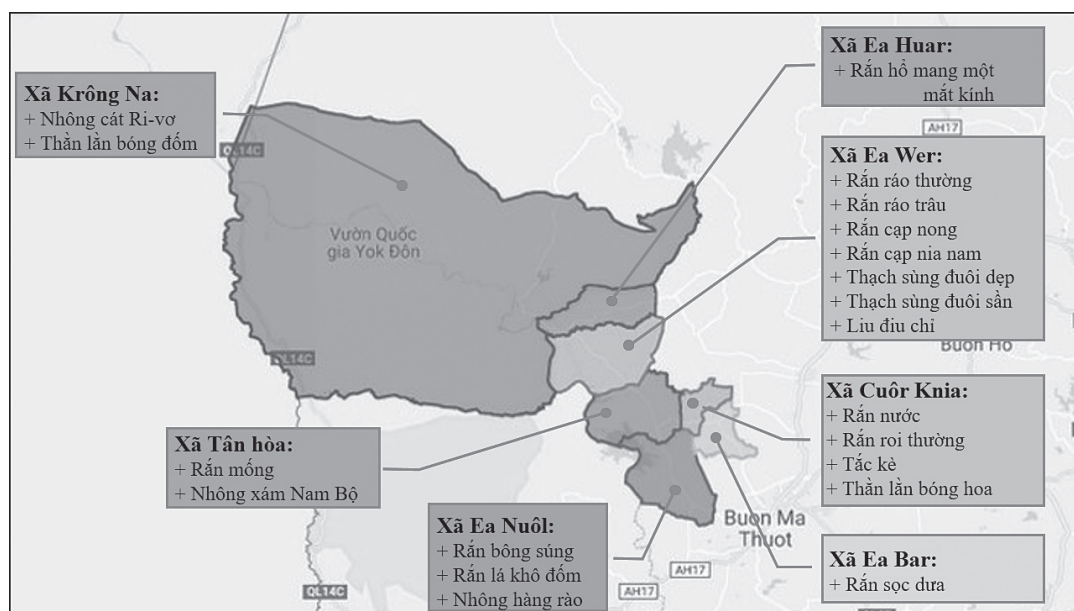
- *Phương pháp thu mẫu gián tiếp:* Tiến hành thu mua hoặc thông qua người săn bắt.

- *Phương pháp định loại mẫu bò sát:* Sau khi thu mẫu xong, tiến hành phân tích các đặc điểm hình thái để sử dụng trong phân loại, định danh và lập danh mục mẫu vật (Ngô Đắc Chứng, Nguyễn Quảng Trường, 2016; Hoàng Xuân Quang, Hoàng Ngọc Thảo, Ngô Đắc Chứng, 2012; Nguyen et al, 2009). Giá trị khoa học của loài theo Sách đỏ Việt Nam (phần động vật, 2007), Công ước Cites, Danh lục đỏ 2022 của IUCN và Nghị định 84/2021/NĐ-CP.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Danh lục các loài bò sát thu thập được tại huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk

¹Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Trường Đại học Tây Nguyên,
Tác giả liên hệ: Trương Bá Phong; ĐT: 0823588277; Email: tbphongtnu.edu.vn.



Hình 1. Bản đồ các vị trí thu mẫu tại huyện Buon Đôn, tỉnh Đắk Lắk
Bảng 3.1. Danh lục các loài bò sát thu thập được tại huyện Buon Đôn

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	Bộ Có vảy	Squamata
	1. Họ Rắn nước	Colubridae
1	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel, 1837)
2	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i> (Linnaeus, 1758)
3	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i> (Boie, 1827)
4	Rắn nước chính thức	<i>Xenochrophis flavipunctatus</i> (Hallowell, 1860)
5	Rắn bông súng	<i>Enhydris enhydris</i> (Schneider, 1799)
6	Rắn roi thường	<i>Ahaetulla prasina</i> (Boie, 1827)
	2. Họ Rắn hổ	Elapidae
7	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schneider, 1801)
8	Rắn cạp nia	<i>Bungarus candidus</i> (Linnaeus, 1758)
9	Rắn hổ mang	<i>Naja naja</i> (Linnaeus, 1758)
10	Rắn lá khô đốm	<i>Calliophis maculiceps</i> (Günther, 1858)
	3. Họ Rắn móng	Xenopeltidae
11	Rắn móng	<i>Xenopeltis unicolor</i> (Reinwardt, 1827)
	4. Họ Tắc kè	Gekkonidae
12	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i> (Linnaeus, 1758)
13	Thạch sùng đuôi đẹp	<i>Hemidactylus platyurus</i> (Schneider, 1792)
14	Thạch sùng đuôi sần	<i>Hemidactylus frenatus</i> (Schlegel, 1836)
	5. Họ Nhông	Agamidae
15	Nhông xám	<i>Calotes bachae</i> (Hartmann, Geissler, Poyarkov, Ihlow, Galoyan, Rödder & Böhme, 2013)
16	Nhông hàng rào	<i>Calotes versicolor</i> (Daubin, 1802)
17	Nhông cát	<i>Leiolepis rubritaeniata</i> (Mertens, 1961)
	6. Họ Thần lằn bóng	Scincidae
18	Thần lằn bóng hoa	<i>Eutropis multifasciatus</i> (Kuhl, 1820)
19	Thần lằn bóng đốm	<i>Eutropis macularius</i> (Blyth, 1853)
	7. Họ Thần lằn	Lacertidae
20	Liu điu chỉ	<i>Takydromus sexlineatus</i> (Daudin, 1802)

Kết quả từ bảng 3.1 cho thấy: thành phần loài bò sát thuộc bộ Có vảy ở huyện Buôn Đôn khá đa dạng. Tổng số loài đã thu thập được là 20 loài, xếp trong 7 họ, 15 giống. Trong đó họ Rắn nước có số lượng lớn nhất với 6 loài, chiếm 30%: Rắn ráo thường, Rắn ráo trâu, Rắn sọc dưa, Rắn nước, Rắn bông súng, Rắn roi thường. Xếp sau họ Rắn nước là họ Rắn hổ với 4 loài, chiếm 20%: Rắn cạp nong, Rắn cạp nia, Rắn hổ mang, Rắn lá khô đốm. Họ Tắc kè có 3 loài, chiếm 15%: Tắc kè, Thạch

sùng đuôi đẹp, Thạch sùng đuôi sần. Họ Nhông có 3 loài, chiếm 15%: Nhông xám Nam Bộ, Nhông hàng rào, Nhông cát Ri-vơ. Họ Thằn lằn bóng với 2 loài, chiếm 10%: Thằn lằn bóng hoa, Thằn lằn bóng đốm. Họ Rắn mông có 1 loài, chiếm 5%: Rắn mông. Cuối cùng là họ Thằn lằn với 1 loài, chiếm 5%: Liu điu chỉ.

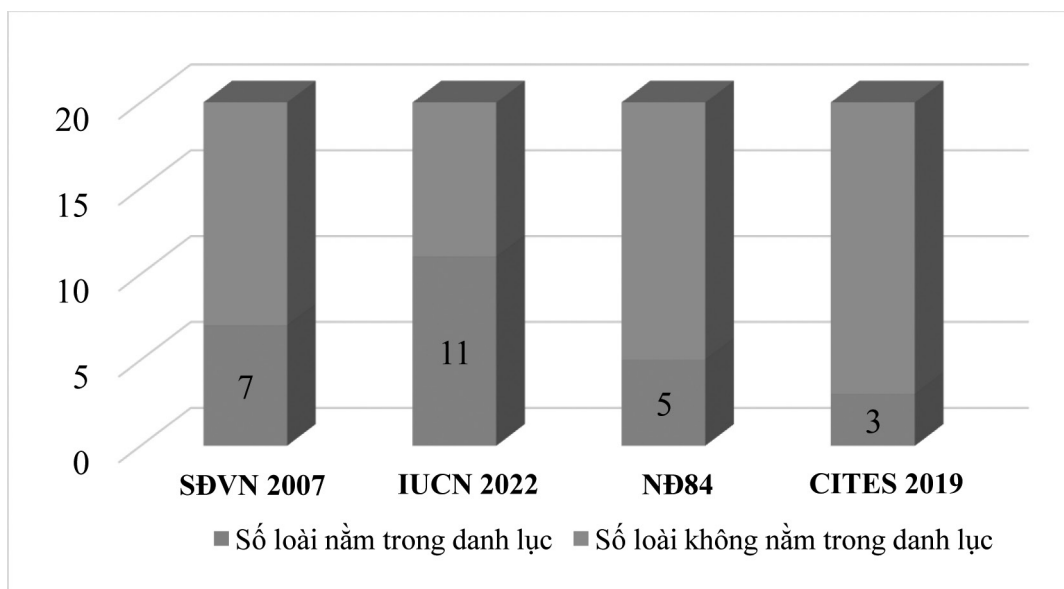
3.2. Giá trị bảo tồn các loài bò sát đã thu thập được tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk

Bảng 3.2. Giá trị bảo tồn các loài bò sát đã thu thập được tại huyện Buôn Đôn

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Tình trạng bảo tồn			
			SDVN 2007	IUCN 2022	ND84	CTES 2019
	Bộ Có vảy	Squamata				
	1. Họ Rắn nước	Colubridae				
1	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel, 1837)	EN		IIB	
2	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i> (Linnaeus, 1758)	EN		IIB	II
3	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i> (Boie, 1827)	VU	LC		
4	Rắn nước	<i>Xenochrophis flavipunctatus</i> (Hallowell, 1860)		LC		
5	Rắn bông súng	<i>Enhydris enhydris</i> (Schneider, 1799)		LC		
6	Rắn roi thường	<i>Ahaetulla prasina</i> (Boie, 1827)		LC		
	2. Họ Rắn hổ	Elapidae				
7	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schneider, 1801)	EN		IIB	
8	Rắn cạp nia	<i>Bungarus candidus</i> (Linnaeus, 1758)			IIB	
9	Rắn hổ mang	<i>Naja naja</i> (Linnaeus, 1758)	EN		IIB	II
10	Rắn lá khô đốm	<i>Calliophis maculiceps</i> (Günther, 1858)		LC		
	3. Họ Rắn mông	Xenopeltidae				
11	Rắn mông	<i>Xenopeltis unicolor</i> (Reinwardt, 1827)		LC		
	4. Họ Tắc kè	Gekkonidae				
12	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i> (Linnaeus, 1758)	VU			II
13	Thạch sùng đuôi đẹp	<i>Hemidactylus platyurus</i> (Schneider, 1792)		LC		
14	Thạch sùng đuôi sần	<i>Hemidactylus frenatus</i> (Schlegel, 1836)		LC		
	5. Họ Nhông	Agamidae				
15	Nhông xám	<i>Calotes bachae</i> (Hartmann, Geissler, Poyarkov, Ihlow, Galoyan, Rödder & Böhme, 2013)		LC		
16	Nhông hàng rào	<i>Calotes versicolor</i> (Daubin, 1802)				
17	Nhông cát	<i>Leiolepis rubritaeniata</i> (Mertens, 1961)	VU			
	6. Họ Thằn lằn bóng	Scincidae				
18	Thằn lằn bóng hoa	<i>Eutropis multifasciatus</i> (Kuhl, 1820)		LC		
19	Thằn lằn bóng đốm	<i>Eutropis macularius</i> (Blyth, 1853)				
	7. Họ Thằn lằn	Lacertidae				
20	Liu điu chỉ	<i>Takydromus sexlineatus</i> (Daudin, 1802)		LC		

Ghi chú: SDVN – Sách đỏ Việt Nam (2007): CR – Rất nguy cấp; EN – Nguy cấp; VU - sẽ nguy cấp; IUCN – Danh lục đỏ thế giới của tổ chức thiên nhiên quốc tế (2022): EN – Nguy cấp; VU – Sẽ nguy cấp;

NT – Sắp bị đe dọa; LC – Cần nhắc đưa vào danh lục đỏ; NE – Không được đánh giá; NĐ 84: Nghị định 84/2021/NĐ – CP: IB – Nghiêm cấm khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; IIB – Hạn chế khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; CITES – Phụ lục CITES (2019) ban hành kèm theo thông báo số 296/TB-CTVN-HTQT: I – Các loài chưa có nguy cơ tuyệt chủng nhưng việc buôn bán chúng cần được kiểm soát để tránh nguy cơ tuyệt chủng; II – Các loài được phép buôn bán nhưng được kiểm soát.



Hình 2. Giá trị bảo tồn của các loài bò sát đã thu thập được tại huyện Buôn Đôn

Trong 20 loài bò sát đã thu thập được tại huyện Buôn Đôn (bảng 3.2) có 18 loài cần được bảo tồn (chiếm 90% tổng số loài). Trong đó có 7 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) cụ thể có 4 loài Nguy cấp (EN), 3 loài sẽ nguy cấp (VU). Theo Nghị Định 84/2021/NĐ - CP có 5 loài nằm trong nhóm IIB (hạn chế khai thác và sử dụng). Trong công ước CITES (2019) có 3 loài đều thuộc nhóm II (II – Các loài được phép buôn bán nhưng được kiểm soát).

Như vậy trong số các loài bò sát thu thập được ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk cần được bảo vệ như rắn Ráo thường, rắn Ráo trâu, Rắn Cạp Nong, Rắn hổ mang, Nhông cát. Trong đó các loài rắn là đối tượng săn bắt chủ yếu của người dân bản địa vì giá trị thực phẩm và dược liệu, cùng với sự suy

giảm tài nguyên rừng trong thời gian gần đây, môi trường sống của loài không những bị ảnh hưởng mà số lượng cá thể của các quần thể trong tự nhiên cũng bị suy giảm nghiêm trọng.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu bước đầu ghi nhận được 20 loài bò sát thuộc 15 chi (giống), 7 họ thuộc bộ Có vảy ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Trong đó họ Rắn nước chiếm số lượng lớn nhất với 6 loài (30%).

Trong số 20 loài bò sát thuộc bộ Có vảy thu thập được, một số loài có giá trị bảo tồn, cần được bảo vệ trong môi trường tự nhiên là Rắn ráo thường, Rắn ráo Trâu, Rắn Cạp nong, rắn Hổ mang, Nhông cát.

PRELIMINARY RESULTS ON THE SPECIES COMPOSITION OF REPTILES BELONGING TO THE SQUAMATA ORDER IN BUON DON DISTRICT, DAK LAK PROVINCE

Nguyen Huu Kien², Truong Ba Phong², Bui Thi Quynh Hoa²

Received Date: 08/12/2022; Revised Date: 19/12/2022; Accepted for Publication: 31/03/2023

SUMMARY

Buon Don district is located in the west of Dak Lak province, this is the area where Yok Don National Park is located. This park is a rare dipterocarp forest reserve in Vietnam. The composition of reptiles in general and Squamata reptiles in particular in this area has not been fully thoroughly studied yet. Meanwhile, agricultural production, livestock rearing, and forest exploitation activities have had a significant impact on the ecosystem. We have collected and classified 20 species of scaly reptiles belonging to 15 genera in 7 families. In four species need to be threatened at an endangered level (EN) and which, there are 4 species that need to be threatened at an endangered level (EN) and need to be protected, which are protected: *Ptyas korroskouros*, *Ptyas mucosus*, *Bungarus fasciatus*, and *Naja naja*; Two species classified as Vulnerable (VU) are the *Gekko gecko* and *Leiolepis rubritaeniata*.

Keywords: Reptilia, Squamata, Buon Don District, species composition, Dak Lak Province.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

- Báo cáo đa dạng sinh học Vườn quốc gia Yok Don (2003). Dự án PARC VIE/95/G31&03.
- Bộ Khoa học và Công nghệ - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007). *Sách đỏ Việt Nam, Phần I. Động Vật*, NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
- Ngô Văn Bình, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Trương Bá Phong (2020). Đặc điểm hình thái của nhông cát *Leiolepis rubritaeniata* (Reptilia) ở vườn quốc gia Yok Don, tỉnh Đắk Lắk.
- Ngô Đắc Chứng, Nguyễn Quảng Trường (2015). *Giáo trình Điều tra và giám sát Đa dạng sinh học Động vật*, NXB Đại học Huế, 2015.
- CITES appendices I, II (Valid from 27 November 2019). <http://www.cites.org>
- Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc, Nguyễn Quảng Trường và Nguyễn Vũ Khôi (2005). *Nhận dạng một số loài Bò sát - Éch nhái ở Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, trang 17 – 46.
- Hoàng Xuân Quang, Hoàng Ngọc Thảo và Ngô Đắc Chứng (2012). *Éch nhái, bò sát vườn quốc gia Bạch Mã*, NXB Nông nghiệp, trang 90 - 146.
- Trương Bá Phong, Ngô Đắc Chứng, Ngô Văn Bình (2019). Mật độ quần thể và sử dụng vi môi trường sống của Thần lằn bóng đốm (*Eutropis macularius*) tại Vườn quốc gia Yok Don, tỉnh Đắk Lắk, *Báo cáo khoa học Hội thảo quốc gia về Lưỡng cư và Bò sát ở Việt Nam*, lần thứ IV, Tr. 204-211.
- Trương Bá Phong, Ngô Đắc Chứng, Ngô Văn Bình (2022). Đánh giá xác suất phát hiện loài và sự chiếm cứ điểm của Thần lằn bóng đốm (*Eutropis macularius*) ở vườn quốc gia Yok Don, tỉnh Đắk Lắk. *Tạp chí Khoa học Đại học Tây Nguyên*, số 56.
- Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Yok Don giai đoạn 2010 – 2020 (2011). Vườn quốc gia Yok Don.

Tài liệu tiếng nước ngoài

- Cox J. M., Merel J., Van Dijk T. A., Paul P., Nabhitabhata J., Thirakhupt K. (1998). *A Photographic Guide to Snecks and Other Reptiles of Peninsular Malaysia, Singapore and Thailand*, Ralph Curtis Publishing, 144 pp.
- Boehm A.B., Van De Werfhorst L.C., Griffith J.F., Holden P.A., Jay J.A. (2013). Performance of forty-one microbial source tracking methods: a twenty-seven lab evaluation study, *Water Research*, 47, 6812-6828.
- Nguyen, V. S., Ho, T. C., & Nguyen, Q. T. (2009). *Herpetofauna of Vietnam*. Ed. Chimaira.
- IUCN (2022). The IUCN Red List of Threatened Species. <http://www.redlist.org>
- Uetz, P. (2010). The original descriptions of reptiles. *Zootaxa*, 2334(1), 59-68.
- Uetz, P. (2016). The Reptile Database Turns 20. *Herpetological Review*, 47(2), 330-34.

²Faculty of Natural Science and Technology, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Truong Ba Phong; Tel: 0823588277; Email: tbphongtnu.edu.vn.